TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Thành Hưng.
Ông Nguyễn Tăng Gô.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14-7-2020).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14-7-2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-7-2020, các văn bản tiếp theo nguyên đơn bà Trần Thị Thanh N trình bày: bà N và ông Nguyễn Văn G chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 19-9-2003 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống đến tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây cãi nhau, bà N về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với ông G từ tháng 02 năm 2020. Về hôn nhân: Bà N yêu cầu ly hôn với ông G. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hạo V (sinh ngày 25-8-2014). Hiện con chung đang do bà N nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng từ khi bản án có hiệu

lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Ông Nguyễn Văn G khai thống nhất với lời khai của bà N về điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Về hôn nhân: ông G đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Về con chung: ông G đồng ý để bà N trực tiếp nuôi con chung, ông G cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn G. Ông G cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà N và ông G có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà N và ông G vắng mặt tại phiên tòa và cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà N: bà N và ông G xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 19-9-2013 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông G là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà N và ông G đều khai nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Bà N và ông G đều có đơn xin không hòa giải. Bà N yêu cầu ly hôn, ông G cũng đồng ý ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà N và ông G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu ly hôn của bà N có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà N và ông G thống nhất là có 01 con chung tên Nguyễn Hạo V, sinh ngày 25-8-2014, hiện do bà N nuôi dưỡng. Bà N và ông G thống nhất giao con chung cho bà N nuôi, ông G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông G cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông G cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án). Ông G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh N đối với ông Nguyễn Văn G về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

Về con chung: bà Trần Thị Thanh N được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hạo V (sinh ngày 25-8-2014). Hiện con chung đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn G phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hạo V với số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/mỗi tháng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Nguyễn Hạo V đủ 18 tuổi.

Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà N và ông G được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu số 0005214 ngày 14-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Bắc (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.